

PHỤ LỤC VI
GIÁ ĐẤT KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp	Giá đất	
		Đất đã có hạ tầng, do Nhà nước đầu tư	Đất chưa có hạ tầng
A	CÁC XÃ, PHƯỜNG		
1	Khu công nghiệp Đình Hương - Tây Bắc Ga		
1.1	Khu công nghiệp Đình Hương - Tây Bắc Ga (giai đoạn 1)		
1.1.1	Đường có bề rộng lòng đường từ 21m-30m	2.600	
1.1.2	Đường có bề rộng lòng đường từ 14m-15m	2.200	
1.1.3	Các đường còn lại có bề rộng lòng đường 7,5m	1.950	
1.2	Khu công nghiệp Đình Hương - Tây Bắc Ga (Giai đoạn 2)		525
2	Khu công nghiệp Lễ Môn	1.650	
3	Khu công nghiệp Hoàng Long		
3.1	Khu vực xã Hoàng Long nay là phường Long Anh (cũ)		
3.1.1	Từ Quốc lộ 1A đến đầu đường Cán Cờ	1.100	
3.1.2	Từ ngã 4 đầu đường Cán Cờ qua khu đất thuê của ông Thắng đến hết địa phận xã Hoàng Long nay là phường Long Anh (cũ)	1.100	
3.1.3	Đường còn lại trong KCN	800	
3.2	Khu vực xã Hoàng Anh nay là phường Long Anh (cũ)		
3.2.1	Từ tiếp giáp địa phận xã Hoàng Long nay là phường Long Anh (cũ) đến tiếp giáp Quốc lộ 10	800	
3.3	Khu vực phường Tào Xuyên (cũ)		
3.3.1	Từ cổng chui đường sắt Bắc Nam đến nhà ông Cần (Nghĩa)	800	
3.3.2	Đường còn lại trong KCN	800	
4	Cụm công nghiệp Thiệu Dương (tại phường Thiệu Dương (cũ))		500

STT	Tên Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp	Giá đất	
		Đất đã có hạ tầng, do Nhà nước đầu tư	Đất chưa có hạ tầng
5	Cụm công nghiệp Phía Bắc thành phố Thanh Hóa (tại phường Thiệu Dương (cũ))		500
6	Cụm công nghiệp Đông Lĩnh (tại phường Đông Lĩnh (cũ))		500
7	Cụm công nghiệp Đông Hưng (tại phường An Hưng (cũ))		500
8	Cụm công nghiệp làng nghề phía Tây thành phố Thanh Hóa (tại phường An Hưng (cũ))		500
9	Cụm công nghiệp Vực (tại Phường An Hưng (cũ))		500
10	Cụm công nghiệp phía Đông Bắc thành phố Thanh Hóa (phường Long Anh (cũ))		1.029
11	Cụm công nghiệp phía Tây Nam thành phố Thanh Hóa (cũ)		500
12	Khu A Khu công nghiệp Bim Sơn		500
13	Khu B Khu công nghiệp Bim Sơn		500
14	Cụm công nghiệp Đông Sơn 1, phường Đông Sơn (cũ)		300
15	Cụm công nghiệp Đông Sơn 2, phường Đông Sơn (cũ)		300
16	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Bắc khu A - Khu công nghiệp Bim Sơn (Khu công nghiệp Hà Long)		500
17	Khu công nghiệp Hà Long		375
18	Khu công nghiệp Hà Lĩnh		375
19	Cụm công nghiệp Hà Dương		400
20	Cụm công nghiệp Hà Phong I		250
21	Cụm công nghiệp Hà Lĩnh II		250
22	Cụm công nghiệp Hà Tân		250
23	Cụm công nghiệp Hà Long I		250
24	Cụm công nghiệp Hà Long II		250
25	Cụm công nghiệp Hà Long III		250
26	Cụm công nghiệp Yên Sơn		250
27	Cụm công nghiệp Hà Vinh		250
28	Cụm công nghiệp Tượng Lĩnh (xã Tượng Lĩnh (cũ) và xã Thăng Bình (cũ))		250
29	Cụm công nghiệp Tân Phúc		250
30	Cụm công nghiệp Cầu Quan (xã Trung Chính (cũ) và xã Hoằng Sơn (cũ))		250
31	Cụm công nghiệp Hoàng Sơn		250

STT	Tên Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp	Giá đất	
		Đất đã có hạ tầng, do Nhà nước đầu tư	Đất chưa có hạ tầng
32	Cụm công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ (huyện Nông Cống (cũ))		587
33	Cụm công nghiệp Tế Nông		250
34	Cụm công nghiệp Tân Thọ		250
35	Cụm công nghiệp thị trấn Nông Cống		250
36	Cụm công nghiệp Thăng Long		250
37	Cụm công nghiệp Công Liêm		250
38	Cụm công nghiệp Vạn Thiện		250
39	Khu công nghiệp Tượng Lĩnh		400
40	Khu công nghiệp phía Tây Thành phố Thanh Hóa (cũ)		375
41	Cụm công nghiệp Dân Lực, Dân Lý, Dân Quyền		250
42	Cụm công nghiệp thị trấn Nưa		250
43	Cụm công nghiệp Hợp Thắng I		250
44	Cụm công nghiệp Hợp Thắng II		250
45	Cụm công nghiệp Hợp Thắng III		250
46	Cụm công nghiệp Đồng Thắng II		250
47	Cụm công nghiệp Thọ Ngọc I		250
48	Cụm công nghiệp Thọ Ngọc II		250
49	Cụm công nghiệp làng nghề Xuân Lộc		250
50	Cụm công nghiệp Hợp Lý		250
51	Khu Công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng		300
52	Cụm công nghiệp Xuân Lai		555
53	Cụm công nghiệp Thọ Minh		250
54	Cụm công nghiệp Thọ Nguyên		531
55	Cụm công nghiệp Xuân Hòa - Thọ Hải		250
56	Cụm công nghiệp Xuân Tín - Phú Xuân		250
57	Cụm công nghiệp Trường Xuân		250
58	Cụm công nghiệp Neo xã Nam Giang		250
59	Cụm công nghiệp Xuân Phú (xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân (cũ) và xã Luận Thành, huyện Thường Xuân (cũ))		250
60	Cụm công nghiệp Yên Lâm		250
61	Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào (Cụm số 01)		1.207
62	Cụm công nghiệp số 02 thị trấn Quán Lào		462
63	Cụm công nghiệp Quý Lộc		250
64	Cụm công nghiệp Định Tân		250
65	Cụm công nghiệp Yên Thịnh		250
66	Cụm công nghiệp Kiều xã Yên Trường		250

STT	Tên Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp	Giá đất	
		Đất đã có hạ tầng, do Nhà nước đầu tư	Đất chưa có hạ tầng
67	Cụm công nghiệp thị trấn Thống Nhất		250
68	Cụm công nghiệp Định Công		250
69	Cụm công nghiệp xã Định Hoà		250
70	Khu công nghiệp Phong Ninh		350
71	Cụm công nghiệp Định Thành		250
72	Khu công nghiệp Giang - Quang - Thịnh		375
73	Cụm công nghiệp làng nghề Thiệu Đô		250
74	Cụm công nghiệp Hậu Hiền		250
75	Cụm công nghiệp Ngọc Vũ		250
76	Cụm công nghiệp số 1 Vạn Hà		831
77	Cụm công nghiệp số 2 Vạn Hà		250
78	Cụm công nghiệp Đông Tiến		350
79	Cụm công nghiệp Đông Văn		1.233
80	Cụm công nghiệp Đông Ninh		350
81	Cụm công nghiệp Đông Phú		350
82	Khu công nghiệp Vực (xã Đông Quang (cũ))		200
83	Cụm công nghiệp Vĩnh Minh		506
84	Cụm công nghiệp Vĩnh Hoà		250
85	Cụm công nghiệp làng nghề phường Quảng Châu - Quảng Thọ, thành phố Sầm Sơn (cũ)		300
86	Khu công nghiệp Lưu Bình		450
87	Cụm công nghiệp Quảng Yên		300
88	Cụm công nghiệp Nham Thạch		300
89	Cụm công nghiệp Cống Trục		300
90	Cụm công nghiệp Tiên Trang		300
91	Cụm công nghiệp Quảng Khê, Quảng Chính		300
92	Cụm công nghiệp Quảng Ngọc		300
93	Cụm công nghiệp Tân Trạch		300
94	Cụm công nghiệp Quảng Văn		300
95	Khu công nghiệp Phú Quý		375
96	Cụm công nghiệp Bắc Hoàng Hóa		300
97	Cụm công nghiệp Thắng Thái		431
98	Cụm công nghiệp Phú Quý		300
99	Cụm công nghiệp Hoàng Quỳ		300
100	Cụm công nghiệp Hoàng Đông		300
101	Cụm công nghiệp Hoàng Sơn		300
102	Cụm công nghiệp Đạt Tài		300
103	Khu công nghiệp Bắc Hoàng Hoá		375

STT	Tên Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp	Giá đất	
		Đất đã có hạ tầng, do Nhà nước đầu tư	Đất chưa có hạ tầng
104	Khu công nghiệp Đa Lộc		375
105	Cụm công nghiệp Tiến Lộc		608
106	Cụm công nghiệp Liên - Hoa		250
107	Cụm công nghiệp Quang Lộc		250
108	Cụm công nghiệp Song Lộc 1		250
109	Cụm công nghiệp Song Lộc 2		250
110	Cụm công nghiệp thị trấn Hậu Lộc		250
111	Cụm công nghiệp Hòa Lộc		285
112	Cụm công nghiệp Châu Lộc		250
113	Cụm công nghiệp Thuần Lộc		250
114	Cụm công nghiệp Long Sơn		250
115	Cụm công nghiệp Tam Linh		250
116	Cụm công nghiệp làng nghề thị trấn Nga Sơn		250
117	Cụm công nghiệp Tư Sy		515
118	Khu công nghiệp Nga Tân		350
119	Khu Công nghiệp Ngọc Lặc		200
120	Cụm công nghiệp Phúc Thịnh		534
121	Cụm công nghiệp Cao Lộc Thịnh		200
122	Cụm công nghiệp Minh Tiến		200
123	Cụm công nghiệp Ngọc Sơn		200
124	Cụm công nghiệp Ngọc Trung		200
125	Cụm công nghiệp Cẩm Châu		200
126	Cụm công nghiệp Cẩm Tú		200
127	Cụm công nghiệp Cẩm Sơn		200
128	Khu công nghiệp Thạch Quảng		200
129	Cụm công nghiệp Thạch Bình		200
130	Cụm công nghiệp Vân Du I		200
131	Cụm công nghiệp Vân Du II		200
132	Cụm công nghiệp Thành Tân		200
133	Cụm công nghiệp Thạch Sơn		200
134	Cụm công nghiệp Ngọc Trạo		200
135	Cụm công nghiệp Thành Minh		200
136	Cụm công nghiệp Thạch Quảng		200
137	Cụm công nghiệp thị trấn Thường Xuân		100
138	Cụm công nghiệp Xuân Phú (xã Luận Thành (cũ))		100
139	Cụm công nghiệp Xuân Cao 1		100
140	Cụm công nghiệp Xuân Cao 2		100
141	Cụm công nghiệp Khe Hạ		100
142	Cụm công nghiệp Lương Sơn		100

STT	Tên Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp	Giá đất	
		Đất đã có hạ tầng, do Nhà nước đầu tư	Đất chưa có hạ tầng
143	Cụm công nghiệp Vạn Xuân		100
144	Cụm công nghiệp Bát Mọt		100
145	Cụm công nghiệp Hải Long - Xuân Khang		200
146	Cụm công nghiệp xã Xuân Du		200
147	Cụm công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ (huyện Như Thanh (cũ))		200
148	Cụm công nghiệp Xuân Phúc		200
149	Khu công nghiệp Bãi Trành		200
150	Cụm công nghiệp Xuân Hoà		200
151	Cụm công nghiệp Thượng Ninh		200
152	Cụm công nghiệp Bãi Trành		200
153	Cụm công nghiệp Thanh Xuân		200
154	Cụm công nghiệp Thanh Lâm		200
155	Cụm công nghiệp Bãi Búi		100
156	Cụm công nghiệp Lý Ái		100
157	Cụm công nghiệp Điền Trung		282
158	Cụm công nghiệp Tân Lập		100
159	Cụm công nghiệp Lâm Xa		100
160	Cụm công nghiệp Thiết Ống		100
161	Cụm công nghiệp Phú Xuân		100
162	Cụm công nghiệp Nam Động		100
163	Cụm công nghiệp Trung Xuân		100
164	Cụm công nghiệp Mường Mìn		100
165	Cụm công nghiệp Trung Hạ		100
166	Cụm công nghiệp Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo		100
167	Cụm công nghiệp Buôn		100
B	KHU KINH TẾ NGHỈ SƠN		
1	Khu công nghiệp số 1		500
2	Khu công nghiệp số 2		500
3	Khu công nghiệp số 3		200
4	Khu công nghiệp số 4		200
5	Khu công nghiệp số 5		200
6	Khu công nghiệp số 6		300
7	Khu công nghiệp số 6a		300
8	Khu công nghiệp Luyện kim		300
9	Khu công nghiệp số 11		300
10	Khu công nghiệp số 12		200
11	Khu công nghiệp số 13		200
12	Khu công nghiệp số 15		200
13	Khu công nghiệp số 16		150

STT	Tên Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp	Giá đất	
		Đất đã có hạ tầng, do Nhà nước đầu tư	Đất chưa có hạ tầng
14	Khu công nghiệp số 17		200
15	Khu công nghiệp số 18		150
16	Khu công nghiệp số 19		150
17	Khu công nghiệp số 20		200
18	Khu công nghiệp số 21		200
19	Khu công nghiệp số 22		250
20	Khu công nghiệp số 7		500
21	Khu công nghiệp số 10		500
22	Khu công nghiệp số 14		300